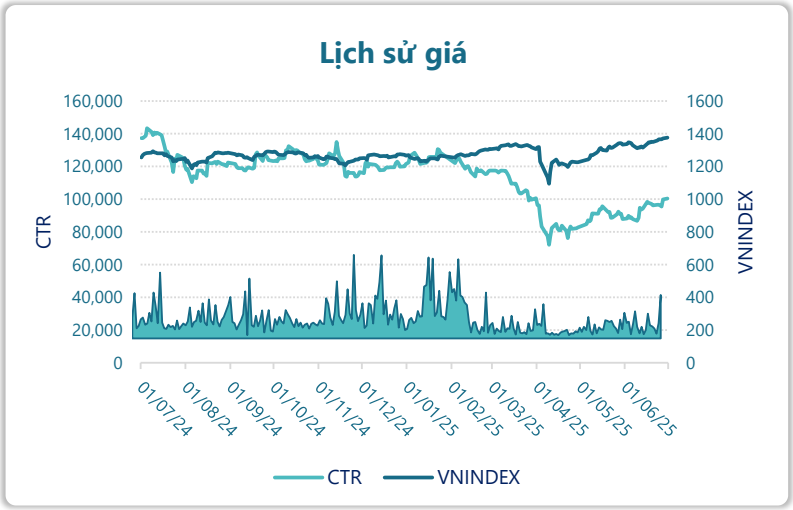
FireAnt

Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**102,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	143,364
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	72,125
SL cổ phiếu LH	114,385,879
KLGD BQ 20 phiên (CP)	721,460
% sở hữu nước ngoài	5.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,759
P/E	20.7
EPS	4,973

DT thuần

Q2/25

3,236

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 498| 18.2%

YoY: ▲ 227| 7.6%

LN sau thuế

Q2/25

145

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.0| 19.0%

YoY: ▲ 20.0| 16.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.3%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

6T 2025

5,975

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 343| 6.1%

LN sau thuế

6T 2025

267

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0| 10.6%

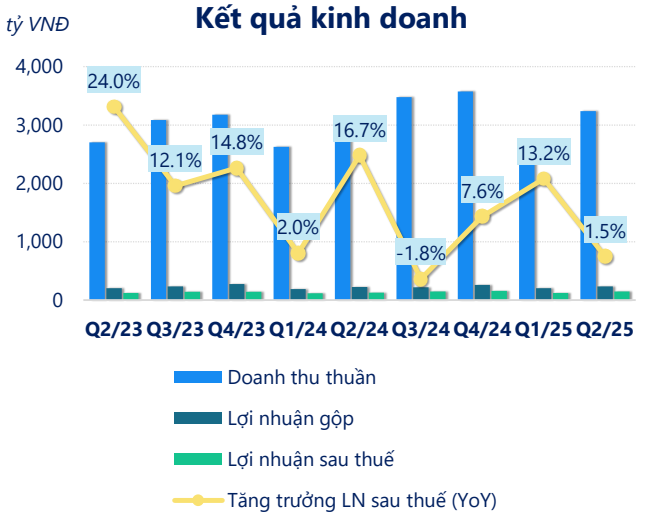
ROE

Q2/25

29.4%

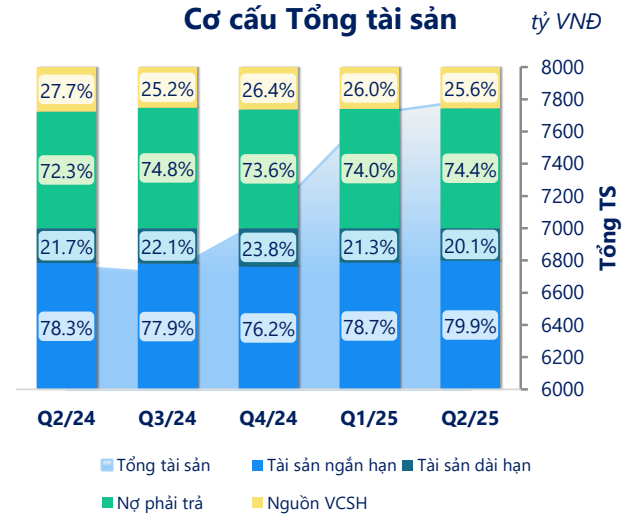
+/- YoY: ▼ 0.2%

Kết quả kinh doanh



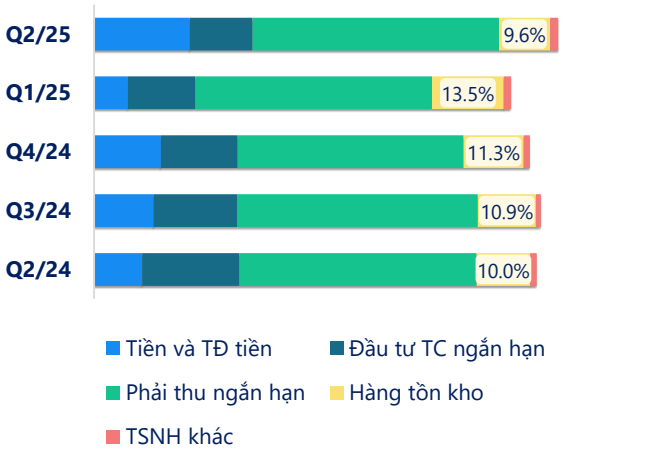
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



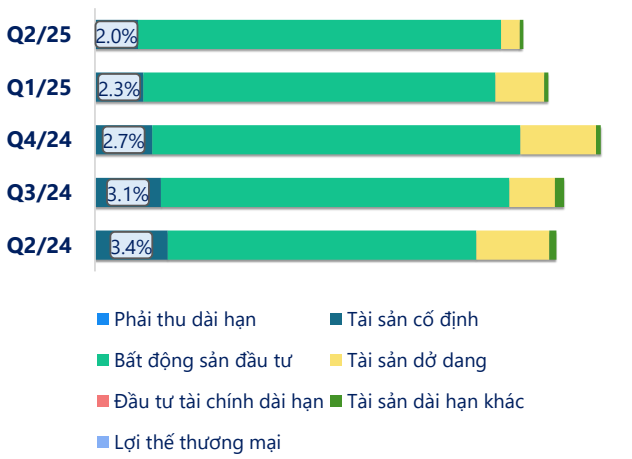
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



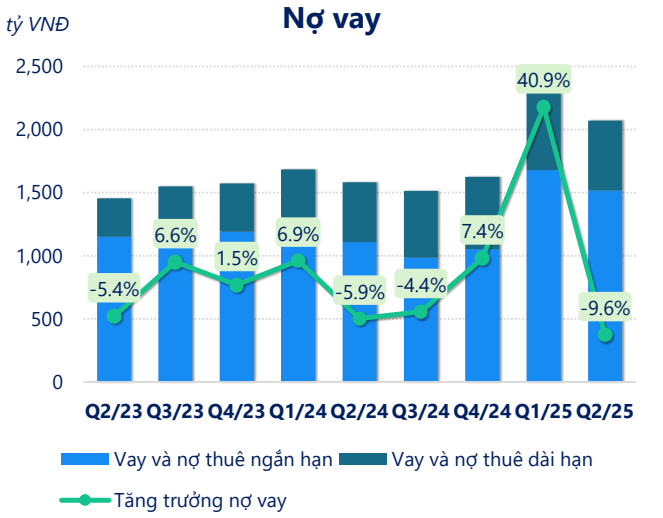
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



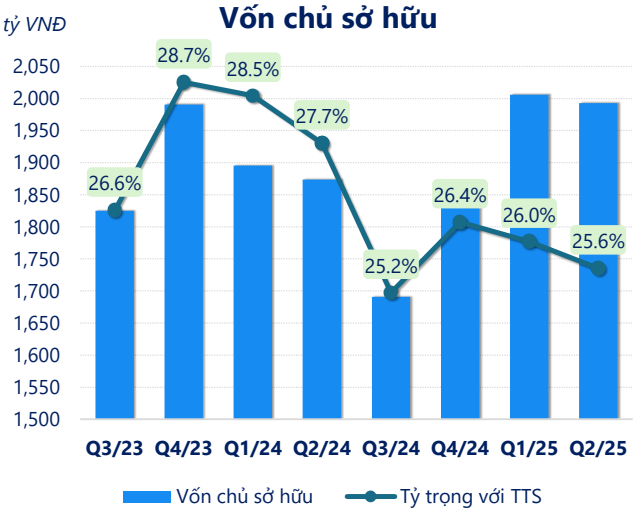
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



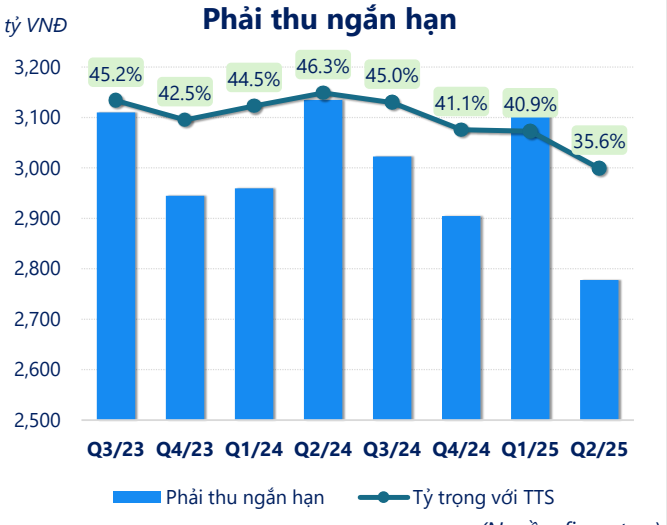
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



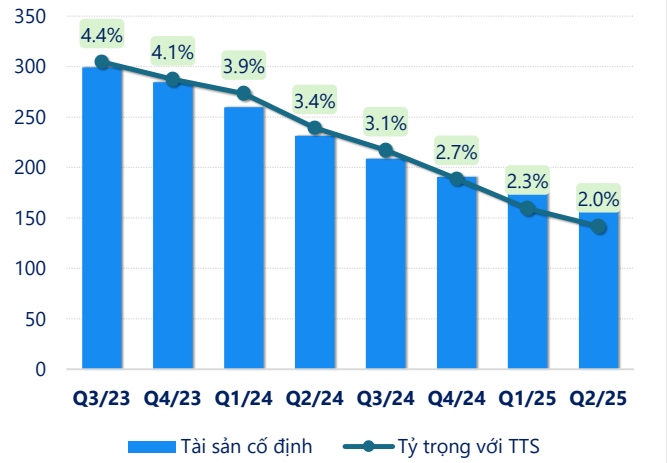
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



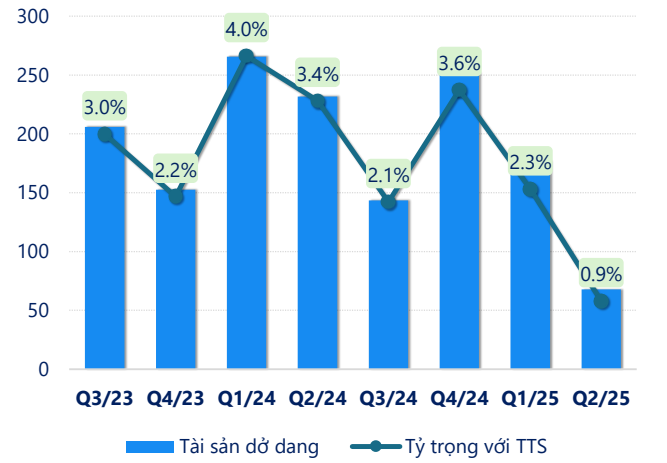
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



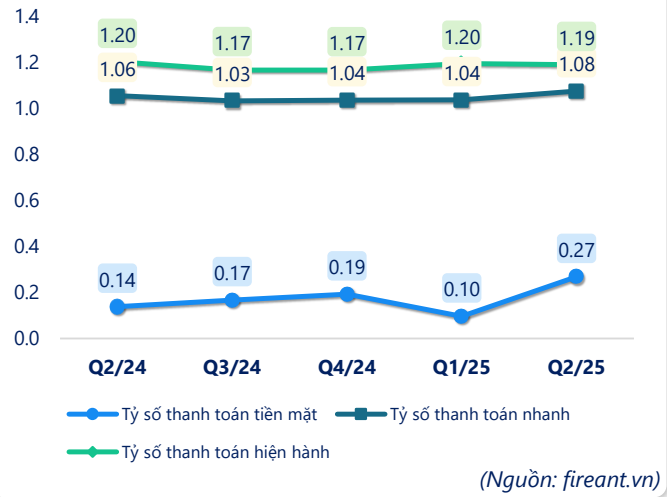
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



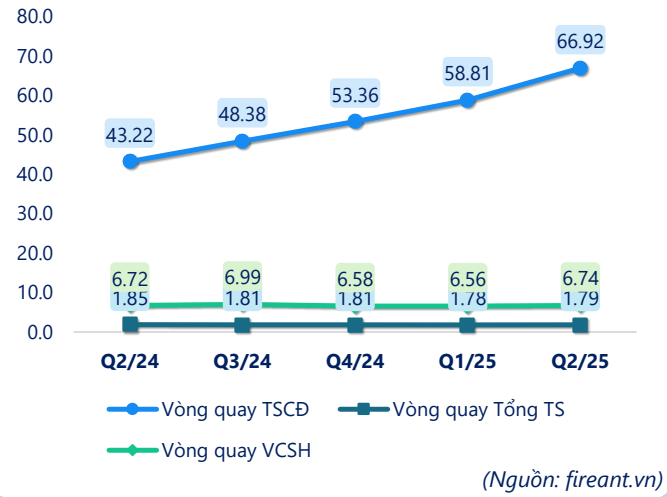
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,765**	**6,721**	**7,067**	**7,708**	**7,794**
Tài sản ngắn hạn	**5,297**	**5,239**	**5,387**	**6,065**	**6,225**
Tiền và tương đương tiền	611	751	888	489	1,404
Đầu tư tài chính ngắn hạn	797	788	854	1,496	1,310
Phải thu ngắn hạn	3,135	3,023	2,905	3,154	2,778
Hàng tồn kho	652	603	602	802	598
Tài sản ngắn hạn khác	103	73.8	139	125	135
Tài sản dài hạn	**1,468**	**1,482**	**1,680**	**1,643**	**1,570**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	231	209	191	176	158
Bất động sản đầu tư	982	1,101	1,223	1,276	1,331
Tài sản dở dang	232	143	252	177	67.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	22.7	28.8	15.1	14.4	13.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**4,891**	**5,031**	**5,205**	**5,702**	**5,801**
Nợ ngắn hạn	**4,402**	**4,488**	**4,617**	**5,075**	**5,231**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,109	985	1,052	1,679	1,516
Phải trả người bán ngắn hạn	590	614	610	445	386
Nợ dài hạn	489	543	588	627	570
Vay và nợ thuê dài hạn	474	528	573	611	555
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,873**	**1,691**	**1,862**	**2,006**	**1,993**
Vốn chủ sở hữu	**1,873**	**1,691**	**1,862**	**2,006**	**1,993**
Vốn điều lệ	1,144	1,144	1,144	1,144	1,144
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)